



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026
đến ngày 30 tháng 6 năm 2026



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 – 43

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty mẹ") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty mẹ và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 03 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính: Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (0254) 385 6445
Fax: (0254) 385 6444
Website: <http://www.vungtautourist.com.vn>
Email: info@vungtautourist.com

Vốn điều lệ: 186.445.000.000 VND
(Một trăm tám mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng)
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
Tổng số cổ phần: 18.644.500 cổ phần
Mã chứng khoán: VTG
Sàn giao dịch: UPCoM

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Tình hình hoạt động
Khu du lịch Biển Đông	Số 08 Thùy Vân, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Tạm ngừng hoạt động đến 30 tháng 4 năm 2027
Khách sạn Vũng Tàu – Sammy	Số 157 Thùy Vân, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Đang hoạt động
Khách sạn Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Đang hoạt động
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 275 F Phạm Ngũ Lão, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh	Tạm ngừng hoạt động từ 31 tháng 12 năm 2019 và đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Tạm ngừng hoạt động đến 30 tháng 4 năm 2027

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là cung cấp dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, khách sạn và dịch vụ lữ hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ kế toán và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</u>
Ông Thái Hoàng Thân	Chủ tịch	14/08/2023
Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Thành viên	14/08/2023
Ông Nguyễn Tiến Mạnh	Thành viên	14/08/2023
Ông Trần Văn Phát	Thành viên	14/08/2023
Ông Lê Văn Chiến	Thành viên	14/08/2023

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Lý	Trưởng ban	14/08/2023
Bà Vũ Ngọc Linh	Thành viên	14/08/2023
Bà Huỳnh Hồng Thảo	Thành viên	14/08/2023

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</u>
Ông Trần Văn Phát	Phó Tổng Giám đốc	18/09/2025

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Thái Hoàng Thân	Chủ tịch	03/09/2020

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn

Tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Hội đồng quản trị được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



THÁI HOÀNG THÂN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2026



Số: 243/2026/BCSXHN-HCM.00768

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 25 tháng 8 năm 2026, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

- Như được nêu tại Thuyết minh 8.2 – Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và công ty con – Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong chưa ghi nhận các khoản tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư mà theo chúng tôi là cần được ghi nhận cho phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:
 - Theo Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTtr ngày 17 tháng 9 năm 2018, Quyết định số 172/QĐ-TTtr và Quyết định số 182/QĐ-TTtr ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Công ty mẹ chưa ghi nhận chi phí thuê đất từ năm 2006 đến năm 2017 với số tiền là 91.099.278.151 VND và tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư với số tiền là 3.658.061.609 VND cho diện tích sử dụng kinh doanh là 54.171,10 m² tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân. Bên cạnh đó, Công ty mẹ cũng chưa ghi nhận chi phí thuê đất theo các Thông báo tạm nộp của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu cho các năm 2018, 2019, 2020 và năm 2021 lần lượt là 9.374.460.461 VND, 14.302.492.149 VND, 18.639.365.097 VND và 20.606.698.652 VND.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận (tiếp theo)

- Theo Quyết định số 173/QĐ-TTr và Quyết định số 177/QĐ-TTr ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, công ty con – Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong chưa ghi nhận chi phí thuê đất từ ngày 10 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 tại Khu du lịch Nghinh Phong – Khu vực bãi tắm Thùy Vân là 28.397.591.059 VND và tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật (đoạn Ngã 3 Đài liệt sỹ đến Tôm Càng Xanh) mà công ty con đang quản lý và sử dụng là 3.582.625.227 VND. Bên cạnh đó, công ty con cũng chưa ghi nhận chi phí thuê đất theo các Thông báo tạm nộp của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu cho các năm 2018, 2019, 2020 và 2021 lần lượt là 5.283.594.979 VND, 7.946.978.002 VND, 10.290.158.966 VND và 12.039.743.854 VND.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ chưa phản ánh các khoản tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng với số tiền là 225.221.048.206 VND. Nếu phản ánh đầy đủ các khoản này vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ tăng và giảm tương ứng.

- Như được nêu tại Thuyết minh 8.4 trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tập đoàn nhận thấy việc ban hành Quyết định 3207/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc thu hồi 10 (mười) cơ sở nhà, đất bao gồm tài sản là nhà, đất, công trình xây dựng trên đất dựa trên cơ sở sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo quy định của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 là không phù hợp. Công ty mẹ đã làm đơn khiếu nại gửi đến các cơ quan hữu quan. Vụ việc đang được Bộ Tài chính thụ lý và giải quyết.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn chưa ghi nhận việc bàn giao 10 (mười) cơ sở nhà, đất này và ghi giảm vốn Nhà nước tương ứng cũng như chưa thực hiện hồi tố khoản doanh thu này theo các kỳ kế toán tương ứng.

- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết không được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 do các công ty liên kết không cung cấp báo cáo tài chính.

Ngoài ra, chúng tôi không thu thập được các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tập đoàn. Do đó, chúng tôi không có cơ sở đánh giá ảnh hưởng đến việc trích lập dự phòng cũng như các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Từ chối đưa ra kết luận

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, do tầm quan trọng của các vấn đề được trình bày tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.



BUI TUYẾT VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0071-2023-009-1
Người được ủy quyền

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2026

BUI NHẬT HUY
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5545-2026-009-1

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		135.842.847.522	131.351.375.710
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.452.939.517	2.555.391.330
Tiền	111		3.752.463.901	2.555.391.330
Các khoản tương đương tiền	112		700.475.616	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	42.364.019.394	40.562.290.532
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		42.364.019.394	40.562.290.532
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.774.197.787	68.719.362.972
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	21.166.395.579	21.229.752.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.703.755.896	1.578.932.428
Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5.1	71.624.698.751	71.651.330.983
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.6	(25.720.652.439)	(25.740.652.439)
Hàng tồn kho	140	5.7	784.841.428	554.741.907
Hàng tồn kho	141		784.841.428	554.741.907
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	160		19.466.849.396	18.959.588.969
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.8.1	770.760.731	292.528.590
Thuế GTGT được khấu trừ	162	5.13	2.380.977.863	2.380.977.863
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.13	16.315.110.802	16.286.082.516
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59.120.388.198	59.767.957.435
Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000.000	500.000.000
Phải thu dài hạn khác	215	5.5.2	500.000.000	500.000.000
Tài sản cố định	220		16.420.723.204	17.754.657.839
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	16.420.723.204	17.754.657.839
Nguyên giá	222		88.732.910.648	88.732.910.648
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.312.187.444)	(70.978.252.809)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		581.801.000	581.801.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(581.801.000)	(581.801.000)
Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	260		38.608.471.960	38.608.471.960
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	5.10.1	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	5.10.2	62.467.614.431	62.467.614.431
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	5.10.2	(23.859.142.471)	(23.859.142.471)
Tài sản dài hạn khác	270		3.591.193.034	2.904.827.636
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.8.2	3.591.193.034	2.904.827.636
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		194.963.235.720	191.119.333.145

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		31.909.732.437	32.300.106.093
Nợ ngắn hạn	310		17.643.191.174	18.033.564.830
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	1.549.709.971	958.828.823
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	606.279.718	542.872.635
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.13	13.080.295.702	13.276.489.777
Phải trả người lao động	315		24.970.125	687.732.323
Chi phí phải trả ngắn hạn	316		111.722.222	319.154.572
Phải trả ngắn hạn khác	320	5.14.1	2.108.182.725	2.086.455.989
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		162.030.711	162.030.711
Nợ dài hạn	330		14.266.541.263	14.266.541.263
Phải trả dài hạn khác	338	5.14.2	214.198.650	214.198.650
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.15	14.052.342.613	14.052.342.613
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.16	163.053.503.283	158.819.227.052
Vốn góp của chủ sở hữu	411		186.445.000.000	186.445.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		186.445.000.000	186.445.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		11.238.309.719	11.238.309.719
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(43.422.870.917)	(47.681.432.337)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	420a		(47.681.432.337)	(38.586.204.822)
LNST chưa phân phối kỳ này	420b		4.258.561.420	(9.095.227.515)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.793.064.481	8.817.349.670
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		194.963.235.720	191.119.333.145

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng



THÁI HOÀNG THÂN
Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	19.811.512.978	13.878.404.039
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		19.811.512.978	13.878.404.039
Giá vốn hàng bán	11	6.2	14.400.714.337	12.078.189.283
Lợi nhuận gộp	20		5.410.798.641	1.800.214.756
Lãi/(lỗ) của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	1.940.454.127	984.058.696
Chi phí tài chính	23	6.4	-	5.485.549.361
Trong đó: chi phí đi vay	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	633.440.741	486.251.479
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	5.291.798.648	5.238.819.020
Phần lãi/ (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		1.426.013.379	(8.426.346.408)
Thu nhập khác	31	6.7	3.289.663.127	2.714.117.809
Chi phí khác	32	6.8	5.644.417	24.031.920
Lợi nhuận khác	40		3.284.018.710	2.690.085.889
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.710.032.089	(5.736.260.519)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	151.210.858	135.180.439
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.558.821.231	(5.871.440.958)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		4.258.561.420	(6.128.715.559)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		300.259.811	257.274.601
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	228	(329)

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng

THÁI HOÀNG THÂN
Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		4.710.032.089	(5.736.260.519)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.9	1.333.934.635	1.352.381.756
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	5.6; 5.10	(20.000.000)	5.484.049.361
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	6.3	(1.940.454.127)	(2.144.802.866)
Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		4.083.512.597	(1.044.632.268)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(27.863.101)	(172.199.130)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(230.099.521)	97.741.850
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(300.727.667)	(158.836.892)
(Tăng)/ giảm chi phí chờ phân bổ	12		(1.164.597.539)	(714.216.766)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.13	(276.856.847)	(89.316.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.083.367.922	(2.081.460.081)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	2.545.455
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.178.561.515)	(163.997.184)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24		6.506.912.349	2.700.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	738.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.810.374.431	989.274.800
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		138.725.265	4.265.823.071
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(324.545.000)	(499.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(324.545.000)	(499.300.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		1.897.548.187	1.685.062.990
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	5.1	2.555.391.330	5.554.772.212
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	5.1	4.452.939.517	7.239.835.202


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng


THÁI HOÀNG THÂN
Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 03 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ:	186.445.000.000 VND (Một trăm tám mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng)
Mệnh giá cổ phần:	10.000 VND
Tổng số cổ phần:	18.644.500 cổ phần
Mã chứng khoán:	VTG
Sàn giao dịch:	UPCoM

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Các công ty trong Tập đoàn kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty mẹ là:

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- In ấn;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động thể thao khác;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Quảng cáo;
- Hoạt động nhiếp ảnh;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ;
- Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác; và
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt.

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là cung cấp dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, khách sạn và dịch vụ lữ hành.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của các công ty trong Tập đoàn không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này:

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
Công ty cổ phần Du lịch Thủy Vân	Số 115 Thủy Vân, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn	50,07	50,07	50,07
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động vui chơi, giải trí; Dịch vụ du lịch ngắn ngày; Nhà hàng ăn uống, phục vụ lưu động; Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí.	96,18	96,18	96,18

Theo quyết định số 7024/QĐ-CTBRV ngày 28/07/2022 của Cục thuế Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc cưỡng chế bằng biện pháp ngưng sử dụng hóa đơn GTGT; do đó, Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong tạm ngưng hoạt động bắt đầu từ ngày 01/01/2026 cho đến khi có thông báo mới nhất theo thông báo số 12/TB-DLNP ngày 16 tháng 12 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	29 Trần Hưng Đạo, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong nước và quốc tế.	100,00	100,00	100,00

Hội đồng quản trị Tập đoàn đã ban hành Quyết định giải thể Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu trong năm 2016. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu được chuyển giao cho Công ty mẹ. Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu đang tiến hành các thủ tục giải thể có liên quan.

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch. Khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch. Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch.	35,00	35,00	35,00

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc:

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Tình hình hoạt động
Khu du lịch Biển Đông	Số 08 Thùy Vân, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Tạm ngừng hoạt động đến 30 tháng 4 năm 2027
Khách sạn Vũng Tàu – Sammy	Số 157 Thùy Vân, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Đang hoạt động
Khách sạn Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Đang hoạt động
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 275 F Phạm Ngũ Lão, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh	Tạm ngừng hoạt động từ 31 tháng 12 năm 2019 và đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Tạm ngừng hoạt động đến 30 tháng 4 năm 2027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 là kỳ kế toán đầu tiên Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo:

- Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính; và
- Thông tư số 43/2026/TT-BTC ("Thông tư 43") ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các chỉ tiêu so sánh được phân loại và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho kỳ kế toán hiện tại trên cơ sở phi hồi tố. Trường hợp có điều chỉnh, phân loại hoặc thay đổi cách trình bày các khoản mục so sánh, Tập đoàn đã thực hiện phân loại lại các số liệu kỳ trước cho phù hợp nhằm đảm bảo tính so sánh của thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này có thể so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ kế toán trước, trừ những khoản mục được trình bày tại Thuyết minh 8.6 Thông tin so sánh.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 79 người (31/12/2025: 80 người).

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của các công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư 99 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 202 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Thông tư 43 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 202 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99, Thông tư 202, Thông tư 43 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 202 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Tập đoàn không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/ (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định hữu hình khi hoàn thành, bàn giao tài sản cố định đưa vào sử dụng được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	02 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 05
Tài sản cố định khác	03 – 10

4.7 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí chờ phân bổ dài hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.
- Phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành thêm khi chuyển đổi và toàn bộ giá trị quyền chọn chuyển đổi được kết chuyển vào thặng dư vốn bất kể trái chủ có thực hiện quyền chọn hay không.
- Phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp thực nhận và giá trị vốn theo Điều lệ.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

4.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn nhận được thông báo về quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Chỉ phần cổ tức, lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4.14 Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Tập đoàn ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

4.17 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc	Công ty liên kết Thành viên quản lý chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt – VND	393.886.975	951.773.310
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND		
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.474.576.378	356.602.322
• Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam	310.901.026	203.331.794
• Các ngân hàng khác	573.099.522	1.043.683.904
Tương đương tiền (*)		
• Ngân hàng TMCP Nam Á	500.000.000	-
• Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	200.475.616	-
	4.452.939.517	2.555.391.330

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 4,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc - VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng (*)						
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	18.000.000.000	18.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	11.000.000.000	11.000.000.000	-	9.000.000.000	9.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Nam Á	4.140.000.000	4.140.000.000	-	4.506.912.349	4.506.912.349	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông	1.200.000.000	1.200.000.000	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	700.000.000	700.000.000	-	-	-	-
Lãi dự thu	798.594.029	798.594.029	-	668.514.333	668.514.333	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn (**)						
Ông Nguyễn Vũ Hưng	3.284.856.138	3.284.856.138	-	3.215.089.735	3.215.089.735	-
Ông Đỗ Minh Đức	3.240.569.227	3.240.569.227	-	3.171.774.115	3.171.774.115	-
	42.364.019.394	42.364.019.394	-	40.562.290.532	40.562.290.532	-

(*) Lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng không quá 12 tháng là 3,40 – 8,50%/năm

(**) Khoản tiền cho các cổ đông của Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân vay:

Mục đích: Hỗ trợ hoạt động kinh doanh cho cổ đông.

Thời hạn vay: Khi nhận được thông báo hoàn trả theo nhu cầu đầu tư của bên cho vay và gửi thông báo trước 01 tháng.

Lãi suất: 0,0%/năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	107.732.930	(107.732.930)	107.732.930	(107.732.930)
Phải thu các khách hàng khác				
Công ty TNHH Du lịch Kim Thiện An	5.428.508.862	(5.428.508.862)	5.428.508.862	(5.428.508.862)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	3.878.297.384	(3.878.297.384)	3.878.297.384	(3.878.297.384)
Công ty TNHH Hoàng Trung	2.466.577.510	(2.466.577.510)	2.466.577.510	(2.466.577.510)
Các khách hàng khác	9.285.278.893	(8.268.601.938)	9.348.635.314	(8.288.601.938)
	21.166.395.579	(20.149.718.624)	21.229.752.000	(20.169.718.624)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Trả trước cho các nhà cung cấp khác		
Công ty cổ phần Du lịch Vietravel	309.980.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Minh Tuấn	964.454.130	964.454.130
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chinh Phong	176.542.459	176.542.459
Các nhà cung cấp khác	252.779.307	437.935.839
	1.703.755.896	1.578.932.428

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	Giá trị ghi sổ VND	30/06/2026 Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	01/01/2026 Giá trị dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm – ứng trước tiền góp vốn	10.425.000	-	10.425.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Tạm ứng cho nhân viên	1.732.270.685	(1.250.270.685)	1.746.270.685	(1.250.270.685)
BHXXH nộp thừa	-	-	23.124.751	-
Công ty cổ phần TM Du lịch Vũng Tàu – Sài Gòn – cổ tức	115.769.425	-	115.769.425	-
Thanh tra Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu				
• Tiền bồi thường (*)	52.274.462.854	-	52.274.462.854	-
• Tạm nộp tiền thuê đất	13.790.800.000	-	13.790.800.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.700.970.787	(2.953.665.905)	3.690.478.268	(2.953.665.905)
	71.624.698.751	(4.203.936.590)	71.651.330.983	(4.203.936.590)

(*) Xem thuyết minh số 8.5.

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	Giá trị ghi sổ VND	30/06/2026 Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	01/01/2026 Giá trị dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Ký quỹ, ký cược dài hạn	500.000.000	-	500.000.000	-
	500.000.000	-	500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RIA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	30/06/2026 Giá trị dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	01/01/2026 Giá trị dự phòng VND
Phải thu khách hàng								
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Trên 3 năm	107.732.930	-	(107.732.930)	Trên 3 năm	107.732.930	-	(107.732.930)
Công ty TNHH Du lịch Kim Thiện An	Trên 3 năm	5.428.508.862	-	(5.428.508.862)	Trên 3 năm	5.428.508.862	-	(5.428.508.862)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	Trên 3 năm	3.878.297.384	-	(3.878.297.384)	Trên 3 năm	3.878.297.384	-	(3.878.297.384)
Công ty TNHH Hoàng Trung	Trên 3 năm	2.466.577.510	-	(2.466.577.510)	Trên 3 năm	2.466.577.510	-	(2.466.577.510)
Công ty TNHH Tiểu Hưng Long	Trên 3 năm	1.825.472.115	-	(1.825.472.115)	Trên 3 năm	1.825.472.115	-	(1.825.472.115)
Công ty TNHH Thiện Trăn	Trên 3 năm	1.438.306.242	-	(1.438.306.242)	Trên 3 năm	1.438.306.242	-	(1.438.306.242)
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	5.004.823.581	-	(5.004.823.581)	Trên 3 năm	5.024.823.581	-	(5.024.823.581)
Phải thu khác								
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	4.203.936.590	-	(4.203.936.590)	Trên 3 năm	4.203.936.590	-	(4.203.936.590)
Trả trước người bán								
Các nhà cung cấp khác	Trên 3 năm	1.366.997.225	-	(1.366.997.225)	Trên 3 năm	1.366.997.225	-	(1.366.997.225)
		25.720.652.439	-	(25.720.652.439)		25.740.652.439	-	(25.740.652.439)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Số dư đầu kỳ	25.740.652.439	25.745.652.439
Trích lập/ (hoàn nhập) trong kỳ	(20.000.000)	(1.500.000)
Số dư cuối kỳ	25.720.652.439	25.744.152.439

5.7 Hàng tồn kho

	Giá trị VND	30/06/2026 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2026 Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	379.676.699	-	389.396.831	-
Công cụ, dụng cụ	249.616.538	-	8.772.486	-
Hàng hóa	155.548.191	-	156.572.590	-
	784.841.428	-	554.741.907	-

5.8 Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn, dài hạn

5.8.1 Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	171.569.753	100.914.788
Chi phí sửa chữa	472.615.348	73.034.706
Chi phí khác	126.575.630	118.579.096
	770.760.731	292.528.590

5.8.2 Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	906.471.473	843.934.009
Chi phí sửa chữa	2.356.492.941	1.271.446.264
Chi phí khác	328.228.620	789.447.363
	3.591.193.034	2.904.827.636

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RIA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, đồ dùng quản lý VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2026	74.456.228.935	10.571.987.517	2.417.795.454	789.036.823	497.861.919	88.732.910.648
Tại ngày 30/06/2026	74.456.228.935	10.571.987.517	2.417.795.454	789.036.823	497.861.919	88.732.910.648
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2026	57.484.563.013	10.349.274.879	2.285.257.637	789.036.823	70.120.457	70.978.252.809
Khấu hao trong kỳ	1.244.279.852	51.786.827	37.867.956	-	-	1.333.934.635
Tại ngày 30/06/2026	58.728.842.865	10.401.061.706	2.323.125.593	789.036.823	70.120.457	72.312.187.444
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2026	16.971.665.922	222.712.638	132.537.817	-	427.741.462	17.754.657.839
Tại ngày 30/06/2026	15.727.386.070	170.925.811	94.669.861	-	427.741.462	16.420.723.204
Trong đó:						
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng						
Tại ngày 01/01/2026	14.908.367.140	9.603.442.062	2.390.305.818	789.036.823	238.932.600	27.930.084.443
Tại ngày 30/06/2026	14.908.367.140	10.261.714.789	1.660.436.363	789.036.823	238.932.600	27.858.487.715
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại chiếm từ 10% trở lên trên tổng giá trị còn lại, bao gồm:						
				Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Khách sạn Sammy Vũng Tàu (Địa chỉ: 157 Thùy Vân, Phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh)				47.597.241.524	34.487.758.779	13.109.482.745
Khách sạn Thùy Vân (Địa chỉ: 157 Thùy Vân, Phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh)				9.250.384.878	7.067.086.436	2.183.298.442

11/01/2026
PH
DU L
NH
11/01/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn
5.10.1 Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá gốc	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	30/06/2026 Giá trị hợp lý	01/01/2026 Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm (i)	1.190.000.000	-	(*)	(*)
	1.190.000.000	-		

(*) Tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

5.10.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	30/06/2026 Giá trị dự phòng	01/01/2026 Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông (ii)	13.000.000.000	12.740.979.342	(259.020.658)	(259.020.658)
Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn – Bình Châu	28.602.790.000	15.853.381.084	(12.749.408.916)	(12.749.408.916)
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu – Sài Gòn	9.390.560.000	9.390.560.000	-	-
Công ty cổ phần Du lịch Sinh thái Long Hải	3.468.701.654	90	(3.468.701.564)	(3.468.701.564)
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm	2.784.000.000	-	(2.784.000.000)	(2.784.000.000)
Công ty cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu Giải trí	1.169.190.000	-	(1.169.190.000)	(1.169.190.000)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	800.000.000	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Công ty cổ phần San Hồ Xanh Côn Đảo	800.000.000	623.551.444	(176.448.556)	(176.448.556)
Công ty TNHH Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	2.452.372.777	-	(2.452.372.777)	(2.452.372.777)
	62.467.614.431	38.608.471.960	(23.859.142.471)	(23.859.142.471)

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về công ty liên kết và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

- (i) Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501454961 ngày 28 tháng 8 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 6023/UBND-VP ngày 02 tháng 8 năm 2016 về việc chấm dứt hiệu lực chủ trương cho Công ty cổ phần Giải trí Minh Đạm đầu tư Dự án Khu du lịch vui chơi, giải trí và thể thao quốc phòng tại Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- (ii) Công ty cổ phần Đầu tư khách sạn Biển Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500770108 đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 15 tháng 7 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 350.000.000.000 VND. Công ty cổ phần Đầu tư khách sạn Biển Đông đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Vốn góp của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 13.000.000.000 VND tương ứng với 3,71% vốn điều lệ.
- (iii) Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500613923 đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 05 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 1114/UBND-VP ngày 02 tháng 6 năm 2014 về việc thu hồi 152.619,5 m² đất cho Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm thuê để thực hiện Dự án Khu du lịch vui chơi, giải trí và thể thao quốc phòng tại Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tình hình biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Số dư đầu kỳ	23.859.142.471	18.373.593.110
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	5.485.549.361
Số dư cuối kỳ	23.859.142.471	23.859.142.471

Các cam kết góp vốn của Tập đoàn chưa thực hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư VND	Vốn cam kết góp VND	Tỷ lệ %	Tình hình thực hiện góp vốn của Tập đoàn Vốn đã góp đến 30/06/2026 VND	Vốn chưa góp đến 30/06/2026 VND
Công ty liên kết					
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	20.000.000.000	7.000.000.000	35,00	1.190.000.000	5.810.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
Công ty cổ phần Du lịch Sinh Thái Long Hải	60.000.000.000	3.500.000.000	5,83	3.468.701.654	31.298.346
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm	100.000.000.000	10.000.000.000	10,00	2.784.000.000	7.216.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Phụng	334.108.450	128.517.500
Các nhà cung cấp khác	1.215.601.521	830.311.323
	1.549.709.971	958.828.823

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Các khách hàng khác	606.279.718	542.872.635
	606.279.718	542.872.635

5.13 Thuế

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.380.977.863	2.380.977.863

Tập đoàn nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT là 8% – 10%.

Thuế, các khoản phải thu Nhà nước và phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	01/01/2026		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2026	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT	22.556.492	388.171.470	948.143.436	(935.582.294)	22.556.492	400.732.612
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	3.214.311	-	-	-	3.214.311
Thuế TNDN	308.146.087	186.856.847	151.210.858	(276.856.847)	308.146.087	61.210.858
Thuế thu nhập cá nhân	28.686.041	-	78.358.229	(107.386.515)	57.714.327	-
Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất	15.925.446.770	12.685.687.914	3.092.091.523	(3.168.032.392)	15.925.446.770	12.609.747.045
(ia)	-	12.685.687.914	3.092.091.523	(3.168.032.392)	-	12.609.747.045
(ib)	15.925.446.770	-	-	-	15.925.446.770	-
Các loại thuế khác	1.247.126	12.559.235	71.355.753	(78.524.112)	1.247.126	5.390.876
Cộng	16.286.082.516	13.276.489.777	4.341.159.799	(4.566.382.160)	16.315.110.802	13.080.295.702

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Thuế (tiếp theo)

Thuế nhà đất, tiền thuê đất

(ia) Chi tiết tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng (Xem thuyết minh số 8.2).

(ib) Khoản cưỡng chế từ tài khoản tiền gửi ngân hàng theo Quyết định số 2734/QĐ-CCTKV, 2735/QĐ-CCTKV, 2736/QĐ-CCTKV, 2737/QĐ-CCTKV, 2738/QĐ-CCTKV, 2739/QĐ-CCTKV và 2740/QĐ-CCTKV ngày 12 tháng 04 năm 2021 của Chi cục thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo.
VND

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	15.523.642.677
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	401.804.093
	15.925.446.770

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được ước tính như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	151.210.858	135.180.439
	151.210.858	135.180.439

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải trả bên liên quan		
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm – thuế GTGT	15.195.727	15.195.727
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	132.956.128	103.950.389
Cổ tức phải trả (năm 2011)	38.461.800	38.461.800
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	625.850.000	625.850.000
Phải trả ngắn hạn khác	1.295.719.070	1.302.998.073
	2.108.182.725	2.086.455.989

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

5.14.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải trả bên liên quan		
Sở Tài Chính Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu		
– phải trả khác	249.800	249.800
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	213.948.850	213.948.850
	214.198.650	214.198.650

5.15 Vay dài hạn

	Giá trị VND	30/06/2026 Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	01/01/2026 Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (*)	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613
	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613

(*) Khoản vay phát sinh trước cổ phần hóa và hiện đã được khoan nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2026 VND	Vay trong kỳ VND	Thanh toán trong kỳ VND	30/06/2026 VND
Vay dài hạn	14.052.342.613	-	-	14.052.342.613
	14.052.342.613	-	-	14.052.342.613

5.16 Vốn chủ sở hữu**5.16.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2025	186.445.000.000	11.238.309.719	(38.586.204.822)	9.188.194.513	168.285.299.410
Lãi/ (lỗ) trong kỳ	-	-	(6.128.715.559)	257.274.601	(5.871.440.958)
Chia cổ tức	-	-	-	(499.300.000)	(499.300.000)
Tại ngày 30/06/2025	186.445.000.000	11.238.309.719	(44.714.920.381)	8.946.169.114	161.914.558.452
Lãi/ (lỗ) trong kỳ	-	-	(2.966.511.956)	220.690.556	(2.745.821.400)
Chia cổ tức	-	-	-	(349.510.000)	(349.510.000)
Tại ngày 31/12/2025	186.445.000.000	11.238.309.719	(47.681.432.337)	8.817.349.670	158.819.227.052
Tại ngày 01/01/2026	186.445.000.000	11.238.309.719	(47.681.432.337)	8.817.349.670	158.819.227.052
Lãi/ (lỗ) trong kỳ	-	-	4.258.561.420	300.259.811	4.558.821.231
Chia cổ tức	-	-	-	(324.545.000)	(324.545.000)
Tại ngày 30/06/2026	186.445.000.000	11.238.309.719	(43.422.870.917)	8.793.064.481	163.053.503.283

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

5.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 03 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp:

Vốn điều lệ: 186.445.000.000 VND
(Một trăm tám mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng)
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
Tổng số cổ phần: 18.644.500 cổ phần
Mã chứng khoán: VTG
Sàn giao dịch: UPCoM

Chi tiết vốn góp của các cổ đông:

Cổ đông	30/06/2026		01/01/2026	
	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	10.978.400	58,88	10.978.400	58,88
Các cổ đông khác	7.666.100	41,12	7.666.100	41,12
	18.644.500	100,00	18.644.500	100,00

5.16.3 Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.644.500	18.644.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.644.500	18.644.500
- Cổ phiếu phổ thông	18.644.500	18.644.500
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.644.500	18.644.500
- Cổ phiếu phổ thông	18.644.500	18.644.500
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn, vui chơi, giải trí	17.593.469.490	11.704.665.612
Doanh thu dịch vụ lữ hành	2.218.043.488	2.173.738.427
	19.811.512.978	13.878.404.039

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, khách sạn, vui chơi, giải trí	12.551.268.582	10.229.623.121
Giá vốn dịch vụ lữ hành	1.849.445.755	1.848.566.162
	14.400.714.337	12.078.189.283

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi	1.024.574.127	984.058.696
Cổ tức được chia	915.880.000	-
	1.940.454.127	984.058.696

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí dự phòng đầu tư	-	5.485.549.361
	-	5.485.549.361

6.5 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí nhân viên	173.811.433	127.159.508
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.272.736	9.272.736
Chi phí khác	450.356.572	349.819.235
	633.440.741	486.251.479

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí nhân viên	3.606.157.804	3.554.885.275
Chi phí thuê đất	565.543.038	580.104.567
Chi phí khác	1.120.097.806	1.103.829.178
	5.291.798.648	5.238.819.020

6.7 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Thu nhập từ bồi thường khắc phục thiệt hại	3.285.513.127	-
Bồi thường từ thu hồi đất	-	1.158.198.715
Tiền thuê đất được giảm	-	1.531.461.947
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	2.545.455
Thu nhập khác	4.150.000	21.911.692
	3.289.663.127	2.714.117.809

6.8 Chi phí khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Phạt thuế, vi phạm hành chính	5.644.417	5.976.093
Chi phí khác	-	18.055.827
	5.644.417	24.031.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

6.9 Lãi trên cổ phiếu

6.9.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.258.561.420	(6.128.715.559)
Trừ: trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.258.561.420	(6.128.715.559)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	18.644.500	18.644.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	228	(329)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	18.644.500	18.644.500
Cổ phiếu tăng trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.644.500	18.644.500

6.9.2 Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên vật liệu	4.381.192.530	3.373.106.956
Chi phí nhân công	6.139.997.250	5.632.941.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.333.934.635	1.352.381.756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.214.988.503	4.692.778.082
Chi phí khác	3.255.840.808	2.752.051.828
	20.325.953.726	17.803.259.782

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

7.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có các loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro về lãi suất

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tập đoàn có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

7.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên báo cáo tình hình tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

7.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
30/06/2026				
Phải trả người bán	1.549.709.971	-	-	1.549.709.971
Các khoản vay	-	-	14.052.342.613	14.052.342.613
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.086.948.819	214.198.650	-	2.301.147.469
	3.636.658.790	214.198.650	14.052.342.613	17.903.200.053
01/01/2026				
Phải trả người bán	958.828.823	-	-	958.828.823
Các khoản vay	-	-	14.052.342.613	14.052.342.613
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.301.660.172	214.198.650	-	2.515.858.822
	3.260.488.995	214.198.650	14.052.342.613	17.527.030.258

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn nắm giữ tài sản bảo đảm của các bên khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 839.798.850 VND và tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là 839.798.850 VND.

Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Tập đoàn:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.452.939.517	2.555.391.330	4.452.939.517	2.555.391.330
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	42.364.019.394	40.562.290.532	42.364.019.394	40.562.290.532
Đầu tư dài hạn	38.608.471.960	38.608.471.960	38.608.471.960	38.608.471.960
Phải thu khách hàng	1.016.676.955	1.060.033.376	1.016.676.955	1.060.033.376
Các khoản phải thu khác	67.438.762.161	67.428.269.642	67.438.762.161	67.428.269.642
Tổng cộng	153.880.869.987	150.214.456.840	153.880.869.987	150.214.456.840
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	1.549.709.971	958.828.823	1.549.709.971	958.828.823
Các khoản vay	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	2.301.147.469	2.515.858.822	2.301.147.469	2.515.858.822
Tổng cộng	17.903.200.053	17.527.030.258	17.903.200.053	17.527.030.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Giá trị hợp lý (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2026 và ngày 30 tháng 06 năm 2026, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập, thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Ông Thái Hoàng Thân	237.700.000	238.100.000
Ông Trần Văn Phát	164.900.000	-
Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	159.537.500	159.537.500
	562.137.500	397.637.500

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Số dư phải thu/ (phải trả) các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Phải thu khách hàng	107.732.930	107.732.930
	Phải thu khác	10.425.000	10.425.000
	Phải trả khác	(15.195.727)	(15.195.727)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

8.2 Tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng***Tiền thuê cơ sở hạ tầng***

Khoản truy thu tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đã đầu tư, Tập đoàn đang quản lý và sử dụng nhưng không nộp tiền thuê hạ tầng từ lúc sử dụng cho đến nay.

Tiền thuê đất phải nộp***Từ năm 2006 đến 31 tháng 12 năm 2017***

Theo các Quyết định và Kết luận của Thanh Tra Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Tập đoàn phải ghi nhận chi phí và nộp tiền thuê đất, thuê hạ tầng tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, cụ thể:

	Từ năm 2006 đến năm 2017 VND	Giảm khác VND	Đã ghi vào BCTC các năm VND	Số chưa ghi nhận vào BCTC VND
Theo kết luận thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17 tháng 9 năm 2018, Quyết định số 172/QĐ-TTr và Quyết định số 182/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.				
Tiền thuê đất	107.498.702.141	-	16.399.423.990	91.099.278.151
Tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư	3.658.061.609	-	-	3.658.061.609
Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17 tháng 9 năm 2018 và Quyết định số 173/QĐ-TTr và Quyết định số 177/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu				
Tiền thuê đất	33.055.916.899	-	4.658.325.840	28.397.591.059
Tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư	3.582.625.227	-	-	3.582.625.227
Cộng (a)	147.795.305.876	-	21.057.749.830	126.737.556.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng (tiếp theo)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến 31 tháng 12 năm 2021

Theo các Thông báo tạm nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu, tiền thuê đất tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu cho các năm 2018, 2019, 2020 và năm 2021 như sau:

Thông báo tạm nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu		Thông báo số 9774/TB-CCTKV ngày 29/12/2021	Đã ghi vào BCTC các năm	Số chưa ghi nhận vào BCTC	
VND		VND	VND	VND	
Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu					
Tiền thuê đất năm 2018	3305/160/TB-CCT ngày 27/04/2018; 8927/160/TB-CCT ngày 26/09/2018	15.015.061.246	(2.694.982.025)	2.945.618.760	9.374.460.461
Tiền thuê đất năm 2019	3590/160/TB-CCT ngày 22/04/2019; 10142/160/TB-CCT ngày 20/09/2019	21.021.085.744	(3.772.974.835)	2.945.618.760	14.302.492.149
Tiền thuê đất năm 2020	1926/152/TB-CCT ngày 24/04/2020; 8934/152/TB-CCT ngày 18/09/2020	26.306.584.390	(4.721.600.533)	2.945.618.760	18.639.365.097
Tiền thuê đất năm 2021	3288/149/TB-CCTKV ngày 26/04/2021; 6601/46/TB-CCTKV ngày 24/09/2021	26.306.584.391	(2.754.266.979)	2.945.618.760	20.606.698.652
	Cộng (b)	88.649.315.771	(13.943.824.372)	11.782.475.040	62.923.016.359

Thông báo tạm nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu		Thông báo số 9669/TB-CCTKV ngày 29/12/2021	Đã ghi vào BCTC các năm	Số chưa ghi nhận vào BCTC	
VND		VND	VND	VND	
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong					
Tiền thuê đất năm 2018	3305/144/TB-CCT ngày 27/04/2018; 8927/144/TB-CCT ngày 26/09/2018	9.053.108.532	(2.396.695.673)	1.372.817.880	5.283.594.979
Tiền thuê đất năm 2019	3590/144/TB-CCT ngày 22/4/2019; 10142/144/TB-CCT ngày 20/09/2019	12.674.351.944	(3.355.373.942)	1.372.000.000	7.946.978.002
Tiền thuê đất năm 2020	1926/137/TB-CCT ngày 24/04/2020; 8934/137/TB-CCT ngày 18/09/2020.	15.861.162.694	(4.199.003.728)	1.372.000.000	10.290.158.966
Tiền thuê đất năm 2021	3822/137/TB-CCT ngày 26/04/2021; 6601/48/TB-CCTKV ngày 24/09/2021	15.861.162.695	(2.449.418.841)	1.372.000.000	12.039.743.854
	Cộng (c)	53.449.785.865	(12.400.492.184)	5.488.817.880	35.560.475.801
	Tổng cộng (a) + (b) + (c)	289.894.407.512	(26.344.316.556)	38.329.042.750	225.221.048.206

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng (tiếp theo)

Căn cứ văn bản số 19121/UBND-VP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc đồng ý theo kiến nghị của Thanh tra Tỉnh tại văn bản số 1961/TTr-NV2 ngày 07 tháng 12 năm 2021 không tính tiền thuê đất phần diện tích bãi cát đối với các doanh nghiệp tại Bãi Sau (từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 trở về sau) do bãi cát sử dụng công cộng (không sử dụng vào mục đích kinh doanh) và văn bản số 9616/CT-HKDCN ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc xử lý kiến nghị của các doanh nghiệp về tiền thuê đất từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2018 liên quan diện tích bãi cát tại Bãi Sau, Thành phố Vũng Tàu, theo đó, Chỉ cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo thông báo về việc điều chỉnh tiền thuê đất khu vực Bãi Sau, Thành phố Vũng Tàu (không bao gồm diện tích bãi cát của Công ty mẹ là 13.028,30 m² và công ty con là 11.586,30 m²).

8.3 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Hoạt động của Tập đoàn bao gồm:

- Kinh doanh khách sạn và các dịch vụ đi kèm: bao gồm khách sạn, nhà hàng dịch vụ ăn uống, giải khát, kinh doanh khu du lịch, vui chơi, giải trí ; và
- Đại lý lữ hành và điều hành tour du lịch.

Chi tiết kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh trong kỳ như sau:

	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng VND	Kinh doanh lữ hành VND	Cộng VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.593.469.490	2.218.043.488	19.811.512.978
Doanh thu hoạt động tài chính	1.939.304.454	1.149.673	1.940.454.127
Thu nhập khác	3.289.663.127	-	3.289.663.127
	22.822.437.071	2.219.193.161	25.041.630.232
Giá vốn hàng bán	12.551.268.582	1.849.445.755	14.400.714.337
Chi phí bán hàng	633.440.741	-	633.440.741
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.136.576.103	155.222.545	5.291.798.648
Chi phí khác	5.644.417	-	5.644.417
	18.326.929.843	2.004.668.300	20.331.598.143
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.495.507.228	214.524.861	4.710.032.089

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

8.4 Việc thu hồi 10 (mười) cơ sở nhà, đất của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Công ty mẹ được UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giao quản lý, sử dụng một số tài sản; trong đó, có nhà và công trình xây dựng tại 10 (mười) cơ sở nhà, đất. Tại thời điểm thực hiện phương án cổ phần hóa được phê duyệt, Công ty mẹ đã tiến hành kê khai hạch toán giá trị nhà và công trình xây dựng tại 10 (mười) cơ sở nhà, đất này tính vào phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp. Cụ thể, UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã góp giá trị nhà và công trình xây dựng để sở hữu số cổ phần tại Tập đoàn cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tương ứng với giá trị tài sản đã góp và tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này theo phương án cổ phần hóa.

Theo Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2022 của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ("Quyết định 3207/QĐ-UBND") về việc thu hồi 10 (mười) cơ sở nhà, đất của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và giao cho Trung tâm Quản lý và Phát triển Nhà ở Tỉnh quản lý, Công ty mẹ có trách nhiệm bàn giao nguyên trạng 10 (mười) cơ sở nhà, đất này; báo cáo kê khai và hạch toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật; nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc cho thuê không đúng quy định vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4, Điều 15, Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

Công ty mẹ nhận thấy việc ban hành Quyết định 3207/QĐ-UBND thu hồi 10 (mười) cơ sở nhà, đất bao gồm tài sản là nhà, đất, công trình xây dựng trên đất dựa trên cơ sở sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo quy định của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 là chưa phù hợp và Công ty mẹ đã làm đơn khiếu nại gửi đến các cơ quan hữu quan:

- Đơn khiếu nại ngày 20 tháng 12 năm 2022 gửi Chủ tịch UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; và
- Đơn khiếu nại ngày 24 tháng 01 năm 2024 gửi Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Theo Biên bản làm việc về việc xác minh và đối thoại giải quyết vụ việc ngày 25 tháng 3 năm 2025 giữa Tổ xác minh thuộc Bộ Tài Chính, UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Công ty mẹ, thống nhất 10 (mười) cơ sở nhà, đất của Công ty mẹ tại Quyết định 3207/QĐ-UBND thuộc đối tượng sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo quy định của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ. Riêng việc bồi thường hỗ trợ khi thu hồi 10 (mười) cơ sở nhà, đất này cũng như quy định về việc giảm vốn Nhà nước tại Công ty mẹ đang chờ hướng dẫn từ các cơ quan hữu quan.

Do vậy, trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn chưa ghi nhận việc bàn giao 10 (mười) cơ sở nhà, đất nêu trên và ghi giảm vốn Nhà nước tương ứng.

Khoản thu từ việc cho thuê 10 (mười) cơ sở nhà, đất nêu trên kể từ thời điểm có Quyết định thu hồi số 3207/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2022 của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

	Doanh thu cho thuê nhà, đất VND
Doanh thu cho thuê nhà được ghi nhận vào kết quả kinh doanh	
• Từ 01/11/2022 đến 31/12/2022	358.363.636
• Năm 2023	1.256.228.957
• Năm 2024	1.232.000.000
• Năm 2025	1.222.909.092
• Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	611.454.546
	4.680.956.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

8.5 Thông tin khác

Số tiền bồi thường mà Tập đoàn nhận được theo quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

1. Theo Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án bồi thường cho các đơn vị đang sử dụng đất tại Bãi sau theo Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2021 và Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022 của UBND Tỉnh để thực hiện Dự án Chính trang trục đường Thùy Vân, thành phố Vũng Tàu, Tập đoàn được nhận số tiền bồi thường là 241.182.900 VND.
2. Theo Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án bồi thường nhà, vật kiến trúc trên đất cho 07 đơn vị đang sử dụng đất tại Bãi Sau theo Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND Tỉnh để thực hiện Dự án Chính trang trục đường Thùy Vân, thành phố Vũng Tàu, Tập đoàn được nhận bồi thường số tiền là 47.920.212.284 VND.
3. Theo Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án bồi thường bổ sung vật kiến trúc (hồ bơi) trên đất cho 04 đơn vị đang sử dụng đất tại Bãi Sau theo Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND Tỉnh để thực hiện Dự án Chính trang trục đường Thùy Vân, thành phố Vũng Tàu, Tập đoàn được nhận bồi thường số tiền là 2.954.868.955 VND.
4. Theo Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án bồi thường bổ sung nhà, tài sản, vật kiến trúc trên đất phải tháo dỡ cho 02 đơn vị đang sử dụng đất tại Bãi sau theo Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để thực hiện Dự án Chính trang trục đường Thùy Vân, thành phố Vũng Tàu, Tập đoàn được nhận số tiền bồi thường là 1.158.198.715 VND.

Theo Biên bản xác nhận với Thanh tra Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 28 tháng 10 năm 2024 và Biên bản làm việc ngày 29 tháng 4 năm 2025, số tiền bồi thường 52.274.462.854 VND mà Tập đoàn được nhận đã chuyển vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra Tỉnh tại Kho bạc Nhà nước Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để cầm giữ với khoản tiền nợ thuế theo Kết luận thanh tra số 261/KL-TTtr ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Thanh tra Tỉnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

8.6 Số liệu so sánh

Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 99 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Thông tư 200 và Thông tư 43 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 202 đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước khi trình bày lại 31/12/2025 VND	Điều chỉnh/ Trình bày lại VND	Số liệu sau khi trình bày lại 01/01/2026 VND	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính					
Phải thu về cho vay ngắn hạn		6.386.863.850	(6.386.863.850)	-	(I)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	33.506.912.349	7.055.378.183	40.562.290.532	(I)
Phải thu ngắn hạn khác	135	72.319.845.316	(668.514.333)	71.651.330.983	(I)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16.303.558.016	(17.475.500)	16.286.082.516	(II)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	8.834.825.170	(17.475.500)	8.817.349.670	(II)

- (I) Trình bày lại khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và khoản lãi dự thu có kỳ hạn không quá 12 tháng theo chế độ kế toán mới.
- (II) Ghi nhận bổ sung thuế thu nhập cá nhân của các cổ đông nhận cổ tức năm 2025 của Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân.

8.7 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
 Người lập biểu


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
 Kế toán trưởng


THÁI HOÀNG THÂN
 Người đại diện theo pháp luật
 Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026